

Số: 69 /2021/NQ-HĐND

Đồng Tháp, ngày 17 tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng
phí thư viện trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người
khuyết tật;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và
lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định
của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc trung ương;*

*Xét Tờ trình số 42/TTr-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân Tỉnh về ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử
dụng phí thư viện trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn
hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân Tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng
nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông nhất quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử
dụng phí thư viện trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, như sau:

1. Đối tượng áp dụng

Các cá nhân có nhu cầu làm thẻ mượn, thẻ đọc tài liệu tại các thư viện trên địa bàn tỉnh.

2. Mức thu phí

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
I	Thư viện tỉnh		
1	Phí mượn, đọc tài liệu đối với bạn đọc là người lớn (từ đủ 16 tuổi trở lên)		
1.1	Thẻ mượn tài liệu về nhà	đồng/thẻ/năm	15.000
1.2	Thẻ đọc tài liệu tại thư viện	đồng/thẻ/năm	10.000
2	Phí sử dụng phòng đọc đa phương tiện, phòng đọc tài liệu quý hiếm và phòng đọc đặc biệt khác	đồng/thẻ/năm	30.000
II	Thư viện huyện		
1	Phí mượn, đọc tài liệu đối với bạn đọc là người lớn (từ đủ 16 tuổi trở lên)		
1.1	Thẻ mượn tài liệu về nhà	đồng/thẻ/năm	10.000
1.2	Thẻ đọc tài liệu tại thư viện	đồng/thẻ/năm	5.000
2	Phí sử dụng phòng đọc đa phương tiện, phòng đọc tài liệu quý hiếm và phòng đọc đặc biệt khác	đồng/thẻ/năm	20.000
III	Đối với các dịch vụ hoạt động dịch vụ khác như: dịch thuật, sao chụp tài liệu, khai thác sử dụng mạng thôn tin thư viện trong nước và quốc tế, lập danh mục tài liệu theo chuyên đề, cung cấp các sản phẩm thông tin đã được xử lý theo yêu cầu bạn đọc, vận chuyển tài liệu cho bạn đọc trực tiếp hoặc qua bưu điện,... là giá dịch vụ, thực hiện trên cơ sở thỏa thuận giữa thư viện và bạn đọc có nhu cầu.		

3. Đối tượng miễn, giảm thu phí

a) Đối tượng miễn thu phí:

Bạn đọc là trẻ em (từ đủ 06 đến dưới 16 tuổi); người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP; người khuyết tật đặc biệt nặng; người vừa thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hoá vừa thuộc diện người khuyết tật nặng.

b) Đối tượng được giảm 50% mức thu phí:

Các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hoá quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hoá. Trường hợp khó xác định là đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hoá quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg, chỉ cần có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đối tượng cư trú; người khuyết tật, người cao tuổi theo quy định của pháp luật.

4. Quản lý và sử dụng phí

a) Cơ quan thu phí được trích lại 90% (*chín mươi phần trăm*) trên tổng số tiền phí thu được trước khi nộp vào ngân sách nhà nước để trang trải cho các nội dung chi theo quy định của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP, nộp 10% (*mười phần trăm*) tiền phí còn lại nộp vào ngân sách nhà nước theo chương, mã nội dung kinh tế của mục lục ngân sách nhà nước hiện hành;

b) Các nội dung khác liên quan đến chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí thư viện không đề cập tại Nghị quyết này được thực hiện theo Luật phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP và Thông tư số 85/2019/TT-BTC.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 97/2016/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý, sử dụng phí thư viện trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khoá X, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 17 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH; Ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Tài chính, VH-TT&DL;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT/TU, TT/UBND, UBMTTQVN Tỉnh;
- Đoàn ĐBQH Tỉnh,
- Đại biểu HĐND Tỉnh;
- Các Sở, ngành, đoàn thể Tỉnh;
- TT/HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Công báo Tỉnh; Cổng Thông tin điện tử Tỉnh;
- Lưu: VT, VHXXH.

CHỦ TỊCH



Phan Văn Thắng